TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày 28/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân - Thư kỹ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự Thị lý số: 01/2018/TLST - DS ngày 03/01/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXX - ST ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43 ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Minh Th**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông **Đàm Minh C**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2/ Anh Nguyễn Bảo L, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước

3/ Chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

** Người làm chứng:*

1/ Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th trình bày:

Ngày 04/7/2016 (dương lịch) bà H cho ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền gốc là 360.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy viết tay với nhau, thỏa Thận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng sau. Đến hạn ông C và bà Th không trả được cho bà H số tiền nợ gốc và lãi như thỏa thuận. Ngày 01/6/2017 ông C bà Th trả cho bà H được số tiền lãi là 50.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc và lãi suất ông C, bà Th chốt lại và viết giấy vay bà H số tiền là 420.000.000 đồng, hẹn 20 ngày sau trả. Tại phiên tòa ông Th yêu cầu ông C và bà Th liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày vay 04/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thống nhất phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh Th, bà H yêu cầu ông C và bà Th liên đới trả cho bà H số tiền là nợ gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay 04/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018.

Bi đơn ông Đàm Minh C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông C cố tình vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời trình bày kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 11/4/2015, bà Th và ông C có vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay đến mùa tiêu trả (khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm sau). Lúc vay tiền, thì bà H có ghi vào sổ của bà H, vợ chồng bà Th ký tên và không giữ giấy tờ này.

Đến năm 2016 (bà Th không nhớ rõ ngày tháng), vợ chồng bà Th không có tiền trả nên bà H đã tính lãi và gốc thành 360.000.000 đồng. Lúc này không lập giấy tờ gì, bà Th được biết việc này qua ông Bùi Văn Th thông báo.

Đến ngày 01/6/2017, bà Th có đem 80.000.000 đồng đến nhà bà H để gửi tạm cho bà H (bà Th chưa rõ sẽ gửi tiền gốc hay lãi) nhưng bà H không nhận, thì có anh Đ (không rõ họ là con rể bà H) có nhận tạm của bà Th số tiền 50.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận, còn số tiền 30.000.000 đồng thì không nhận. Lúc này, bà H yêu cầu ông C viết giấy nợ tiền theo ý của bà H là 420.000.000 đồng, nếu không bà H không cho ra khỏi nhà. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H buộc vợ chồng bà Th phải trả số tiền 420.000.000 đồng bà Th không đồng ý, vì vợ chồng bà Th chỉ có nợ số tiền gốc là 250.000.000 đồng, đã trả được số tiền 50.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà H số tiền 200.000.000 đồng. bà Th đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng chồng là ông C sẽ trả số tiền gốc vay còn lại 200.000.000 đồng vào tháng 01 năm 2020, vì hiện nay vợ chồng bà Th hiện đang khó khăn không có tiền để trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huyền Tr trình bày:

Chị Tr là con ruột của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viễn L (đã chết). Chị Tr không biết gì về việc vay tiền giữa bà H với vợ chồng ông C và bà Th, chị không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bảo L trình bày:

Anh L là con ruột của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viễn L (đã chết). Anh L không biết gì về việc vay tiền giữa bà H với vợ chồng ông C và bà Th, anh không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Bùi Văn Th trình bày:

Ông Th là hàng xóm với ông C, bà Th và bà H. Khoảng năm 2017 (ông Th không nhớ rõ ngày tháng), ông Th đang ở chợ thi ông C gọi điện thoại cho ông Th chạy về nhà bà H có chút việc. Sau đó ông Th có đến nhà bà H thì thấy có ông C, bà Th cùng với bà H và nhờ ông Th ký làm chứng vào giấy vay tiền. Nội dung ông Th được biết là: vợ chồng ông C có mượn của bà H số tiền là 420.000.000 đồng, ông C đã tự viết giấy mượn tiền, nhờ ông Th ký vào là người làm chứng. Khi ông Th đến nhà bà H, ông C chỉ nói sơ qua nội dung rồi nhờ ông Th ký làm chứng chứ ông Th không nhìn thấy hai bên có giao tiền cho nhau hay không. Còn bà H có ép buộc ông C hay không thì ông Th không biết vì khi ông Th đến cả bà H và ông C đều nhờ ông Th ký tên làm chứng.

Người làm chứng ông Trịnh Văn Đ trình bày:

Ông Đ có quen biết ông C, bà Th và là con rể bà H. Việc bà H cho ông C, bà Th vay tiền cụ thể như thế nào thì ông Đ không biết. Nhưng ngày 01/6/2017 thì ông C, bà Th có đưa cho ông Đ số tiền là 50.000.000 đồng để nhờ ông Đ đưa lại cho bà H. Ông Đ đã đưa lại số tiền này cho bà H. Ông Đ có hiểu nôm na là ông C đưa tiền trả nợ cho bà H nhưng bà H không nhận, nên có nhờ ông Đ nhận giùm. Ngoài ra ông Đ không biết gì thêm.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về thủ tục tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, buộc ông C, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 360.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Đàm Minh C cư trú tại thôn 2 Bù Bưng, xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Bị đơn ông Đàm Minh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn

Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huyền Tr và anh Nguyễn Bảo L đã có lời khai và đã xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Áp dụng Bộ luật dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và đang được thực hiện có nội dung khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại giải đáp số 01/2016 ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao *"lãi suất mà các đương sự thỏa Thận khác với Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết"*. Như vậy, hợp đồng vay tài sản có thỏa Thận về lãi suất 3 %/tháng là khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11.

Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H cho rằng ngày 04/7/2016 (dương lịch) bà cho ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền gốc là 360.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng sau. Đến hạn ông C và bà Th không trả được cho bà H số tiền nợ gốc và lãi suất như thỏa thuận. Ngày 01/6/2017 ông C bà Th trả cho bà H số tiền lãi là 50.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc và lãi ông C, bà Th chốt lại và viết giấy vay bà H số tiền là 420.000.000 đồng, hẹn 20 ngày sau trả.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp (giấy vay tiền ngày 01/6/2017 và thông báo trả nợ) và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền nợ gốc vợ chồng ông C vay của bà H là 360.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu ông C và bà Th liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi suất và tiền lãi: Do các bên thỏa Thận vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, nên lãi suất được tính theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt nam, theo đó lãi suất là 9%/năm; mức lãi suất không vượt quá 150% lãi suất cơ bản. Lãi suất được tính là 1,125%/tháng. Tiền lãi là 360.000.000 đồng x 1,125% x 28 tháng 24 ngày = 116.640.000 đồng, được trừ 50.000.000 đồng tiền lãi đã trả, còn phải trả là 66.640.000 đồng.

[6] Xét phần trình bày của bị đơn bà Th cho rằng: Ngày 11/4/2015, vợ chồng bà Th có vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thỏa thuận đến mùa tiêu trả (khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm sau). Lúc vay tiền, thì bà H có ghi vào sổ của bà H, hai vợ chồng bà Th ký tên và không giữ giấy tờ này. Đến năm 2016, vợ chồng bà Th không có tiền trả nên bà H đã tính lãi và gốc thành 360.000.000 đồng, lúc này không lập giấy tờ gì. Đến ngày 01/6/2017, bà Th có đem 80.000.000 đồng đến nhà bà H để gửi tạm cho bà H nhưng bà H không nhận, thì anh Đông có nhận tạm của bà Th số tiền 50.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận, còn số tiền 30.000.000 đồng thì không nhận. Lúc này, bà H yêu cầu ông C viết giấy nợ số tiền là 420.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Th không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho phần trình bày của mình về việc số tiền vay gốc ban đầu là 250.000.000 đồng vào ngày 11/4/2015 nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Th trình bày trả cho bà H vào ngày 01/6/2017 là phù hợp với phần trình bày của nguyên đơn bà H và người làm chứng ông Trịnh Văn Đ. Tuy nhiên, bà Th cho rằng số tiền 50.000.000 đồng bà trả là nợ gốc nhưng không được nguyên đơn bà H đồng ý, theo nguyên đơn đây là tiền lãi, nên cần xác định số tiền 50.000.000 đồng vợ chồng bà Th trả cho bà H là tiền lãi.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huyền Tr và anh Nguyễn Bảo L không yêu cầu gì đối với số tiền bà H cho vợ chồng bà Th ông C vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc ông C và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng và nợ lãi còn lại là 66.640.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 426.640.000 đồng.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được Tòa án chấp nhận nên ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là: 360.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 66.640.000 đồng. Tổng cộng là 426.640.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đàm Minh C và bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền là 21.065.600 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo biên lai Th tiền số 0018137 ngày 03/01/2018.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Thoại